

Bản án số: **53/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 20-8-2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN

TAND THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tấn Phát.

Bà Huỳnh Thị Kim Oanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Dung – Thẩm tra viên TAND thành phố TN, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát thành phố TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở TAND thành phố TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 393/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1994; địa chỉ: Số nhà 17, hẻm 33, đường BL, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN, VN.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1992, địa chỉ: Số nhà 17, hẻm 33, đường BL, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN, VN.

- Chị N có mặt; anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2024 và bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Nguyễn Ngọc T tự nguyện quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN, tỉnh TN theo số: 182/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại số nhà 17, hẻm 33, đường BL, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN.

Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Nguyễn Ngọc T không lo tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình, mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm, anh T có người phụ nữ khác, nhiều lần chị N đã nói với anh T nhưng anh không thay đổi. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 28-01-2019. Hiện con đang sống cùng với chị N, nếu Tòa án cho vợ chồng ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, về thời gian chung sống của vợ chồng. Những mâu thuẫn trong cuộc sống của vợ chồng.

Tại phiên hòa giải ngày 29-7-2024, anh T thừa nhận có mối quan hệ ngoài luồng nhưng hiện tại không còn và anh T đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 con chung như lời trình bày của chị N. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T không vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố TN, tỉnh TN phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý, giải quyết cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định; không vi phạm về tố tụng. Anh T đã được Tòa án triệu tập tham dự phiên tòa nhưng anh T vắng mặt không có lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc ly hôn với anh T; về con chung: Giao con tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 28-01-2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe đương sự trình bày và hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T có địa chỉ tại số nhà 17, hẻm 33, đường BL, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh TN. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thẩm quyền giải quyết thuộc TAND thành phố TN, tỉnh TN.

Anh Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng anh T vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NS, thành phố TN, tỉnh TN theo số: 182/2019 nên công nhận đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N, anh T phát sinh mâu thuẫn do anh chị mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế, không có tiếng nói chung trong hôn nhân, vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Tại phiên hòa giải ngày 29-7-2024, chị N, anh T đều thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 28-01-2019. Hiện con đang sống cùng với chị N, hiện cháu A chưa đủ 7 tuổi để trình bày nguyện vọng của cháu.

[3.1] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh T thừa nhận có mối quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Chị N cung cấp các hình ảnh, tin nhắn giữa anh T và người phụ nữ khác cho Tòa án, chứng minh việc anh T hiện còn mối quan hệ ngoài luồng và hiện tại anh vẫn giữ mối quan hệ nêu trên, thường xuyên vắng mặt tại nhà. Mặt khác, công việc của anh T là làm thợ cửa nhôm, do đặc thù của việc làm, anh phải làm việc giờ hành chính và phải làm theo công trình, tùy vào tính chất công trình do chủ thầu xây dựng nhận. Anh có thể đi làm ở lại công trường để đảm bảo tiến độ thi công và không mất nhiều thời gian để đi và về trong ngày.

[3.2] Chị N hiện đang làm phụ giúp kinh doanh với gia đình của anh chồng trông coi quán café gần nơi sinh sống, có điều kiện đưa đón, chăm sóc, nuôi dưỡng con trực tiếp. Thường xuyên gần gũi con từ nhỏ vì vậy có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dạy con.

Từ các phân tích nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; 227; 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56 và Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Ngọc T. Giữa chị N và anh T không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Trần Thị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Nguyễn Trần Nhật A, sinh ngày 28-01-2019. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Ngọc T được quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu số 0003098 ngày 12-7-2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố TN, tỉnh TN. Ghi nhận chị Trần Thị N đã nộp xong.

5. “Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự”.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh TN. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh TN trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tp TN;
- Chi cục THADS tp TN;
- UBND Phường NS;
- Đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ (N).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Trọng Nghĩa